TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/KDTM-ST
Ngày: 04/4/2024
"V*/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Việt Anh** – Thẩm phán

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Sơn Hóa**

Bà **Trần Thị Kim Dung**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Quang** - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND Q. Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Văn Sỹ** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 61/2023/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"* giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Công ty Cổ phần O;**

Trụ sở: Số X XX, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thanh Huyền – Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim Anh, bà Nguyễn Thị Minh.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H;**

Trụ sở: Số X, ngõ XX phố XXX, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Viết Cư – Giám đốc.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần Otrình bày:

Ngày 14/12/2020, Công ty Cổ phần O ("Bên A"- Bên Bán) và Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất Nhập Khẩu H ("Bên B" - Bên Mua) ký Hợp đồng nguyên tắc số 75/OSC-HĐNT-HNF/2020 về việc mua bán hàng hoá (Sau đây gọi là "*Hợp đồng số 75*").

Theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết giữa hai bên: Bên A đồng ý bán hàng hóa (Dầu Olein tinh luyện) cho Bên B với số lượng và đơn giá được thống nhất theo từng đơn đặt hàng trước khi giao hàng. Trong đó, Bên B đồng ý thanh toán toàn bộ tiền hàng phát sinh trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng và hóa đơn GTGT. Tuy nhiên, Bên B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, không thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền hàng.

Theo Biên bản làm việc ngày 16/06/2021, tại Địa điểm kinh doanh của Bên B, địa chỉ số 17, BT6, Khu đô thị Pháp Vân, Tứ Liệt, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Bên B đã xác nhận đang nợ quá hạn 2.456.678.900 VNĐ *(Hai tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm đồng)*. Sau khi bàn bạc và thống nhất, trên tinh thần hỗ trợ hai bên đã thống nhất nội dung biên bản thỏa thuận với các nội dung như sau:

- Bên A đồng ý cho bên B thanh toán chậm số nợ quá hạn trên: 2.456.678.900 VNĐ *(Hai tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm đồng).*
- Bên A đồng ý tiếp tục cung cấp hàng cho Bên B nhưng bên B phải chuyển trước tiền khi nhận hàng và đảm bảo lấy hàng thường xuyên, sản lượng trung bình 50 tấn/tháng.
- Bên B cam kết lộ trình thanh toán nợ quá hạn như sau: từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2021, Bên B sẽ thanh toán tối thiểu 400.000.000 VNĐ *(Bốn trăm triệu đồng)* được chia đều vào ngày mùng 5 và 25 hàng tháng. Với số nợ còn lại, từ tháng 10/2021, căn cứ vào tình hình dịch bệnh và nhu cầu của lấy hàng của bên B, hai bên sẽ tiếp tục thỏa thuận để đưa ra lộ trình thu dần nợ về đúng với công nợ đã thỏa thuận (15 ngày) như trong hợp đồng nguyên tắc hai bên đã ký, thời hạn thực hiện phải xong trước ngày 31/12/2021.

Sau khi biên bản thỏa thuận trên được xác nhận giữa hai bên, Bên B chỉ thực hiện thanh toán số tiền là 200.000.000 VNĐ *(Hai trăm triệu đồng)* vào ngày 07/07/2021 và 08/07/2021. Đến ngày 05/04/2022, Bên B chỉ thanh toán cho Bên A thêm số tiền: 196.449.435 VNĐ *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi lăm đồng)* và đây là khoản thanh toán cuối cùng của Bên B cho Bên A tính đến thời điểm ngày 30/10/2023.

Xét thấy Bên A đã rất nỗ lực trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong Hợp đồng, thiện chí trong đàm phán với Bên B để đưa ra lộ trình thanh toán hợp lý cho cả hai Bên cũng như đặc biệt hỗ trợ bằng việc đồng ý giãn nợ cho Bên B trong hoàn cảnh nền kinh tế đều gặp khó khăn chung do tác động của đại địch Covid-19. Tuy nhiên Bên B đã không nỗ lực trong việc liên hệ, đàm phán và thanh toán cho Bên A theo đúng Hợp đồng và các văn bản làm việc sau đó giữa hai Bên.

Như vậy, Bên B đã vi phạm điều 50 Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 và Điều 440 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 về nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán hàng hóa. Thêm vào đó, căn cứ vào Hợp đồng số 75, điều này đã vi phạm nghiêm trọng khoản 2 và Khoản 3 Điều 5 quy định về thời hạn thanh toán, do vậy Bên B sẽ phải chịu khoản phạt trả chậm với mức lãi suất là 150% lãi suất vay trần của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 17 của Hợp đồng số 75, Bên B còn phải chịu khoản phạt vi phạm hợp đồng tương đương với 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Việc bên B không thanh toán theo Hợp đồng 75 ngày 14/12/2020 đã ký với Công ty cổ phần O đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp và ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh của Công ty cổ phần O. Vì vậy Công ty cổ phần O khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội đề nghị Tòa án:

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất Nhập Khẩu H thanh toán cho Công ty Cổ phần O tổng số tiền là 2.839.392.439 đồng *(Hai tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi hai ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng),* trong đó có các khoản sau:

+ Khoản nợ tiền hàng chưa thanh toán: 2.060.229.465 đồng.

+ Khoản tiền lãi cho khoản nợ tiền hàng chưa thanh toán từ ngày quá hạn thanh toán tạm tính đến ngày 11/3/2024: tạm tính là: 614,344,617 đồng.

+ Khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng tương đương mức 8% phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là: 164.818.357 đồng.

* ***Bị đơn*** **– Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H:** Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn – Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H như thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo đến Tòa án ghi lời khai; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H không đến Tòa án để làm việc, trình bày ý kiến theo thông báo của Tòa án. Do vậy Tòa án không lấy được lời khai của ông ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường Đại Kim được biết: hiện nay tại địa chỉ số X ngõ XX phố Đại Từ, phường Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội không có Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H hoạt động, kinh doanh. Ông Nguyễn Viết Cư là đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện không còn sinh sống tại đây và không rõ ông Cư đã ở đâu.

**** Tại phiên tòa:***

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần O xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng tương đương với 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 164.818.357 đồng.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX: Buộc bị đơn - Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền: 2.853.814.045 đồng; trong đó tiền gốc là 2.060.229.465 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 04/4/2024 là 628.766.223 đồng theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng mà hai bên đã ký và đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn, Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H đã được niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- *Đại diện VKSND quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các thông báo, giấy báo của Tòa án. Bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn là 2.060.229.465 đồng *(Hai tỷ, không trăm sáu mươi triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng)*. Đối với yêu cầu trả lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm hợp đồng: Trong hợp đồng nguyên tắc thể hiện hai bên thỏa thuận tại mục 3 Điều 5 thì trường hợp chậm thanh toán bên A có quyền bên B trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất trần cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 306 Luật thương mại 2005. Do đó cần thiết chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán lãi chậm thanh toán do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ từ thời điểm Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán. Nguyên đơn rút yêu cầu về khoản tiền phạt

vi phạm hợp đồng tương đương với 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm nên đình chỉ yêu cầu này. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng:

Công ty cổ phần O khởi kiện Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H theo Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa số 75/OSC-HĐNT-HNF/2020 ngày 14/12/2020; đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H có địa chỉ tại số X ngõ XX phố Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật nhưng Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án do đó HĐXX không có cơ sở xem xét ý kiến của bị đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung vụ án:

Căn cứ lời trình bày của đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

{2.1}. Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa số 75/OSC-HĐNT-HNF/2020 ngày 14/12/2020 giữa Công ty cổ phần O và Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H được ký kết hoàn toàn tự nguyện, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hình thức và nội dung của Hợp đồng không trái pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

{2.2} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 16/06/2021 Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H đã xác nhận đang nợ quá hạn Công ty cổ phần O là 2.456.678.900 VNĐ *(Hai tỷ, bốn trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm đồng)*. Hai bên cũng đã thỏa thuận, cam kết lộ trình thanh toán nợ và điều kiện để tiếp tục cung cấp hàng. Tuy nhiên, sau đó Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H chỉ thực hiện thanh toán số tiền là

396.449.435 đồng tính đến ngày 05/4/2022. Như vậy Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H còn nợ Công ty cổ phần O2.060.229.465 đồng;

Do Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty Cổ phần O khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H phải trả số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Về phần lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc: Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần O yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất bằng 150% mức lãi suất trần cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán (=150% x 7%/năm (là lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) = 10,5%/năm); số tiền lãi tính đến ngày 04/4/2024 là 628.766.223 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi ba đồng) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng các bên đã ký.

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc giữa hai bên: tại mục 3 Điều 5 thì trường hợp chậm thanh toán bên A có quyền yêu cầu bên B trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất trần cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán;

Căn cứ quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*".

Căn cứ quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì: "*1.Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2.Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật này*".

Theo các quy định trên có căn cứ để xác định, thỏa thuận của Công ty cổ phần O và Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H về việc áp dụng mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất trần cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất cho vay hiện tại của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là 7%/năm đối với số tiền chậm trả được quy định tại mục 2 Điều 7 của Hợp đồng số 75/OSC-HĐNT-HNF/2020 ngày 14/12/2020 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại; Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự, do vậy được HĐXX chấp nhận.

Như vậy số tiền gốc và lãi chậm thanh toán mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến hết ngày 04/4/2024 là:

2.060.229.465 đồng + **628.766.223** đồng = **2.688.995.688** đồng (*Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng*).

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng tương đương với 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 164.818.357 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

{**3} Về án phí và quyền kháng cáo**: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật như sau: 72.000.000 đồng + (2% x 668.995.688 đồng) = 85.779.913 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228;khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ: Điều 24, Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần O về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H phải thanh toán số tiền phạt do vi phạm hợp đồng là 164.818.357 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm mười tám nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng)

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần O: buộc Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H phải trả cho Công ty cổ phần Osố tiền là **2.688.995.688 đồng (*Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng*)**; Trong đó nợ gốc là **2.060.229.465** đồng; nợ lãi do chậm thanh toán là **628.766.223** đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 85.779.913 đồng.

Công ty cổ phần O không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty cổ phần O 44.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010892 ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

4. **Quyền kháng cáo**: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hoàng Mai;*
- *THA-DS quận Hoàng Mai;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Việt Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *VKSND quận Hoàng Mai;*
- *Các đương sự;*
- *THA-DS quận Hoàng Mai;*
- *Lưu HS.*

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA